

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày 12-7-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thuý Hảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên – Vắng mặt.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Thành T – Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị Ly N, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa P, thành phố G, Đắk Nông – Có đơn xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Bạch T – Có mặt.

3.2. Bà Hoàng Thị C – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, Đắk Nông.

3.3. Bà Vũ Thị X – Có lời khai xin vắng mặt; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3.4. Ông Đỗ Bá T1 – Có lời khai xin vắng mặt; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, Đắk Nông

4. *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trương Thành T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị C: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 26-12-2022) – Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-6-2022 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị C: Bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Vũ Thị X (mẹ của chị L) do quen biết nên nhận bà Nguyễn Thị Bạch T (mẹ của anh Trương Thành T) là mẹ nuôi. Bà X và chị Na đã rất nhiều lần vay tiền bà T nhưng đã trả đầy đủ để tạo niềm tin cho bà T. Đến khoảng tháng 9 năm 2019, bà X phải đáo hạn một khoản vay tại Ngân hàng nên đã gặp bà T hỏi vay tiền. Vì tin tưởng và thương bà X, nên ngày 25-6-2019 bà T nói ông T và bà C mang GCNQSDĐ đứng tên anh Trương Thành T và bà Hoàng Thị C ra tiệm cầm đồ Đỗ Ngọc T cầm cố vay số tiền 80.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất hàng tháng là 2.400.000 đồng, chị N có trách nhiệm trả cho ông T1, thời hạn trả tiền vay là 30 ngày, kể từ ngày vay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cầm cố cho ông T1 số BH 533761 do ông T, bà C nhận chuyển nhượng của ông B, bà N1 và đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Gia Nghĩa ngày 25-10-2017.

Nay ông T yêu cầu Toà án thay đổi bà Nguyễn Thị X là bị đơn. Lý do, bà X khóc lóc với bà T về việc nợ Ngân hàng đến thời hạn đáo hạn ngân hàng mà bà X không có tiền để trả nên bà T mới nói ông T, bà C thế chấp GCNQSDĐ cho ông Đỗ Bá T1 vay tiền cho bà X. Tuy nhiên do bà X già yếu nên để cho chị Ly N đứng tên trên giấy vay tiền và trả lãi suất hàng tháng cho ông T1.

Đến năm 2021 (không nhớ cụ thể ngày, tháng) ông T, bà C trả cho ông T1 80.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 03 tháng (do chị N không trả cho ông T1) là: 8.700.000 đồng và ông T1 đã trả GCNQSDĐ cho ông T, bà C.

Theo giấy vay tiền ngày 27-6-2019 thì chị N có thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là: 01 lô đất diện tích 250m²; tại Tổ dân phố N, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Nhưng các bên không giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhau. Nên nguyên đơn không yêu cầu hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên toà bà H yêu cầu bà Lâm Thị Ly N phải số tiền gốc: 88.700.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 80.000.000 đồng, tiền lãi ông T trả cho ông T1 8.700.000 đồng

(nhập vào gốc) và lãi suất từ ngày 22-7-2021 đến tháng 5 - 2023 là 18 tháng là: 14.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 1%/1 tháng x 18 tháng = 14.400.000 đồng, nhưng bà H chỉ yêu cầu chị N trả ông T, bà C số tiền lãi là 14.000.000 đồng).

2.2. Bị đơn bà Lâm Thị Ly N trình bày: Ngày 27-6-2019 chị N có vay của vợ chồng ông Trương Thành T và bà Hoàng Thị C số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 30 ngày, kể từ ngày 27-6-2019 đến ngày 27-7-2019 trả. Số tiền 80.000.000 đồng này ông T, bà C vay của ông Đỗ Bá T1; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông và thỏa thuận chị N là người trả tiền lãi cho ông T1, từ khi vay tháng nào chị N cũng trả tiền lãi cho ông T1, nhưng không viết giấy tờ gì và không có giấy tờ gì chứng minh việc trả lãi cho ông T1. một tháng chị N trả cho ông T1 2.400.000 đồng tiền lãi, lãi suất là 3%/tháng trên số tiền vay.

Việc vay tiền chỉ có chị N, ông T, bà C ngoài ra không có ai biết. Mẹ chị N là bà Vũ Thị X không biết gì về việc vay mượn tiền giữa chị N, ông T, bà C. Ngoài vay của ông T, bà C, chị N không vay của bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền nào.

Việc bà H yêu cầu bà Vũ Thị X trả tiền cho ông T, bà C là không có căn cứ. Vì, chị N là người trực tiếp vay tiền của ông T, bà C, bà X (mẹ chị N không vay, không biết gì về việc vay mượn tiền giữa chị N và vợ chồng ông T.

Theo giấy vay tiền ngày 27-6-2019 thì chị N có thể chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Vũ Thị X, nhưng chỉ ghi trên giấy tờ và thửa đất này cũng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X, thửa đất có diện tích 250m²; tại Tổ dân phố N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Chị N đồng ý trả cho ông T, bà C số tiền gốc: 88.700.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 80.000.000 đồng, tiền lãi ông T trả cho ông T1 8.700.000 đồng (nhập vào gốc) và lãi suất đến thời điểm hiện nay là: 14.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 1%/1 tháng x 18 tháng = 14.000.000 đồng. Nhưng hiện nay bà khó khăn về kinh tế, không có nhà cửa, không có tài sản gì, nợ nhiều người nên bà chỉ trả cho vợ chồng ông T một tháng là: 500.000 nghìn đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà: Nguyễn Thị Bạch T thống nhất với trình bày bà Phạm Thị H và bà không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị X trình bày: Bà không biết gì về việc vay mượn tiền giữa ông T, bà C và chị N.

Người làm chứng ông Đỗ Bá T1 trình bày: Cách đây khoảng 03-04 năm ông có cho ông T và bà C vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất 3%/1tháng, khi vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T, bà C. Khoảng 01 năm sau ông T, bà C đã trả tiền hết tiền gốc, lãi và ông T1 đã trả GCNQSDĐ cho ông T, bà C. Khi vay tiền ông T chỉ giao dịch với ông T, bà C và không biết bà Lâm Thị Ly N là ai.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông vắng mặt tại phiên toà. Kiểm sát viên gửi bài phát biểu cho Hội đồng xét xử quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Căn cứ vào Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thành T: Buộc bà Lâm Thị Ly N phải trả cho ông Trương Thành T và bà Hoàng Thị C số tiền 102.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[1.2]. Về tiền tạm ứng án phí: Ông Trương Thành T là người chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (F.72), con đẻ của người tham gia kháng chiến có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hoá học theo kết luận số 52/GDDYK-CĐHH ngày 14-7-2016 của Phân hội đồng giám định Y khoa Trung ương II Bộ Y tế và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27-6-2019 các bên viết giấy vay tiền, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay tiền (27-6-2019), ngày trả là ngày 27-7-2019. Ngày 01-6-2022 ông T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tiền là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[1.4]. Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông vắng mặt và gửi bài phát biểu cho Hội đồng xét xử. Áp dụng khoản 1

Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

[1.5]. Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Trương Thành T, bà Hoàng Thị C, tuy nhiên có bà Phạm Thị H là người đại diện theo uỷ quyền cho ông T và bà C; bà Lâm Thị Ly N, bà Vũ Thị X, ông Đỗ Bá T có lời khai xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thành T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của giấy vay tiền: Việc viết giấy vay tiền của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật do đó hợp đồng có hiệu lực.

[2.2]. Theo giấy vay tiền ngày 27-6-2019 thể hiện ông T có cho bà N vay số tiền 80.000.000 đồng, bà Hoàng Thị C (vợ ông T) ký với tư cách là người làm chứng. Thời hạn trả là ngày 27-7-2019, nhưng đến nay chị N vẫn chưa trả tiền cho ông T.

Về số tiền gốc 80.000.000 đồng thì các bên đều thừa nhận là ông T, bà C vay của ông T1 để cho chị N vay lại và hàng tháng chị N là người trả số tiền lãi suất cho ông T1. Đến năm 2021 (không nhớ cụ thể ngày, tháng) ông T, bà C trả cho ông T1 80.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 03 tháng (do chị N không trả cho ông T1) là: 8.700.000 đồng và ông T1 đã trả GCNQSDĐ cho ông T, bà C. Nay ông T yêu cầu bà Vũ Thị X phải số tiền gốc: 88.700.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 80.000.000 đồng, tiền lãi ông T trả cho ông T1 8.700.000 đồng (nhập vào gốc).

[2.3]. Về lãi suất:

Khi vay các bên không thoả thuận lãi suất. Nhưng ông T, bà C đã liên hệ đòi chị N nhiều lần nhưng chị N không trả. Nay ông T, bà C trả lãi suất từ ngày 22-7-2021 đến tháng 5 – 2023 là: 14.000.000 đồng ($80.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/1 \text{ tháng} \times 18 \text{ tháng} = 14.400.000 \text{ đồng}$, nhưng bà H chỉ yêu cầu chị N trả ông T, bà C số tiền lãi là 14.000.000 đồng).

Chị N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C về số tiền gốc và lãi suất. Chị N xác định chị N là người vay tiền, không phải bà X, lời khai của chị phù hợp với tài liệu là giấy vay tiền, ký tên bên người vay là chị Lâm Thị Ly N. Nhưng hiện nay chị đang gặp phải khó khăn về kinh tế, không có nhà cửa, không có tài sản gì, nợ nhiều người nên bà chỉ trả cho vợ chồng ông T một tháng là: 500.000 nghìn đồng.

Xét thấy các đương sự tự nguyện thoả thuận về lãi suất là phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích trên, xét thấy Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3.4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Căn cứ vào Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thành T.

Buộc chị Lâm Thị Ly N phải trả cho ông Trương Thành T và bà Hoàng Thị C số tiền 102.700.000đồng (*Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Lâm Thị Ly N phải chịu 5.135.000đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc

